

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 338/2024/DS-PT

Ngày 12 - 12 - 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Phi Kbuôr.

*Các thẩm phán:* Ông Văn Công Dân, ông Nguyễn Ngọc Sâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 279/2024/DS - PT ngày 15/10/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm: 32/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk theo thủ tục phúc thẩm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 288/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy T; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư Đinh Xuân T1, thuộc Văn phòng L1 – Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: B A L, Phường T, thành phố B, Đắk Lắk (có mặt).

- **Bị đơn:** Công ty TNHH H6.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang T2 – Chức vụ: Giám đốc.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị H; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Tô Thị Mỹ H1; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị Thu H2; địa chỉ: 383/63/27 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Bà Đinh Thị M; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Bà Hồ Thị Mỹ H3; địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Ông Nguyễn Triệu V; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

Địa chỉ 2: Số nhà A T, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh;

+ Ông Hồ Xuân L, bà Đỗ Thị Minh T3; địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3: Bà Lưu Thị Thu H2; địa chỉ: 383/63/27 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Ông Nguyễn Đình H4; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

Địa chỉ 2: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH H6; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Minh T3 và bà Tô Thị Mỹ H1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:**

Tôi Nguyễn Thị Thùy T và Công ty TNHH H6 (sau đây gọi tắt là Công ty H6) có mua bán hàng hóa nông sản với nhau. Tôi là người bán, còn Công ty H6 là người mua. Ngày 30/4/2021 tôi và Công ty H6 có chốt công nợ với nhau, theo đó Công ty H6 còn nợ tôi tổng số tiền là 1.791.478.000 đồng. Sau khi chốt nợ thì Công ty H6 đã thanh toán cho tôi nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 05/5/2021 trả 91.748.000 đồng;  
Ngày 31/12/2021 trả 50.000.000 đồng;  
Ngày 11/9/2022 trả 20.000.000 đồng;  
Ngày 28/12/2023 trả 30.000.000 đồng;  
Ngày 23/01/2024 trả 25.000.000 đồng;  
Ngày 03/02/2024 trả 25.000.000 đồng;  
Ngày 06/02/2024 trả 20.000.000 đồng.

Những lần trả nợ nêu trên đều do ông Hồ Văn P (con của ông T2, bà H1), một số lần do bà H3 (là cháu của ông T2, bà H1), bà Đỗ Thị Minh T3 (là con dâu của ông T2, bà H1) trả tiền mặt cho tôi.

Tiếp đến ngày 19/02/2024, bà H1 chuyển cho tôi số tiền 600.000.000 đồng.

Sáng ngày 20/02/2024, cháu bà H1, ông T2 có vào cân cà phê cho nhà bà H1, ông T2, sau khi trả tiền cà phê cho tôi thì còn thừa lại số tiền 42.631.000 đồng nên tôi khấu trừ số tiền này vào tiền nợ.

Sáng ngày 20/02/2024, bà H1 có nói con dâu là Đỗ Thị Minh T3 chuyển cho tôi số tiền 600.000.000 đồng.

Như vậy, sau những lần trả tiền mặt và chuyển khoản, Công ty H6 đã thanh toán cho tôi tổng số tiền 1.533.338.000 đồng, còn nợ lại số tiền 257.100.000 đồng. Do đó, tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty H6 phải trả cho tôi tổng số tiền gốc là 257.100.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Bà T cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng mà Công ty H6 chuyển vào tài khoản của ông H4 (chồng tôi) vào ngày 09/02/2023 là khoản tiền mà Công ty H6 mua của tôi 49.382,4kg cà phê nhân xô với giá 43.800đ/kg và không liên quan đến khoản tiền chót nợ ngày 30/4/2021 giữa tôi và Công ty H7 thành trước đó. Hơn nữa, quá trình giao dịch mua bán cà phê với nhau thì có rất nhiều lần bà Tô Thị Mỹ H1 và bà Đỗ Thị Minh T3 đã thay Công ty H6 thanh toán tiền hàng cho tôi, nên việc bà H1 và bà T3 cho rằng khoản tiền 600.000.000 đồng do bà H1 chuyển khoản cho bà vào ngày 19/02/2024 và khoản tiền 600.000.000 đồng do bà T3 chuyển khoản cho tôi là chuyển nhầm là không đúng.

***\* Bị đơn Công ty H6, người đại diện theo pháp luật ông Trần Quang T2 là Giám đốc Công ty trình bày:***

Giữa bà T với Công ty H6 có mua bán nông sản với nhau như nội dung bà T trình bày, Công ty H6 xác nhận đến ngày 30 tháng 4 năm 2021, còn nợ T tổng số tiền 1.791.478.000 đồng. Tuy nhiên, khoản nợ này đã được Công ty thanh toán xong cho bà T, cụ thể như sau:

Ngày 09/02/2023, Công ty H6 trả cho bà T thông qua số tài khoản của ông Nguyễn Đình H4 (chồng bà T) số tiền 1.500.000.000 đồng;

Đồng thời, trong các ngày từ ngày 05/5/2021 cho đến ngày 06/02/2024 Công ty H6 đã trả số tiền 291.478.000 đồng (Số tiền này bà T thừa nhận là đã nhận đủ). Đến nay, Công ty H6 đã trả đủ tiền cho bà T nên không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bà T cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng mà Công ty H6 chuyển trả là khoản tiền trả cho các chứng từ giao dịch khác, thì Công ty H6 không đồng ý. Đối với khoản tiền 1.241.860.000 đồng mà bà Tô Thị Mỹ H1 và bà Đỗ Thị Minh T3 chuyển cho bà T, thì số tiền này không liên quan gì đến Công ty H6. Vì bà H1 và bà T3 là người làm công ăn lương nên không có nghĩa vụ trả tiền cho bà T thay cho Công ty.

**\* Bà Tô Thị Mỹ H1 trình bày:**

Bà H1 là vợ của ông T2 (Giám đốc Công ty H6), bà H1 thừa nhận giữa bà T với Công ty H6 có mua bán hàng hóa với nhau. Đến ngày 30/4/2021, Công ty H6 còn nợ bà T tổng số tiền 1.791.478.000 đồng nhưng việc mua bán đó không liên quan gì đến bà nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Trong khoảng thời gian từ ngày 05 đến ngày 20/02/2024, bà có mua cà phê của bà T với số lượng và đơn giá như sau: Lần 1: 38 tấn, giá 79.500đ/kg; Lần 2: 09 tấn, giá 78.500đ/kg (Điều thực hiện bằng tin nhắn + gọi điện).

Ngày 06/02/2024, bà T ký nhận 200.000.000 đồng;

Ngày 07/02/2024 bà chuyển khoản 10.000.000 đồng;

Ngày 19/02/2024 bà T ký nhận 240.000.000 đồng và bà chuyển khoản 600.000.000 đồng. Cùng Ngày bà T đã giao cho bà: 6.382kg, giá 79.500đ/kg;

Ngày 20/02/2024 bà đưa cho tiếp cho bà T 100.000.000 đồng.

Tổng cộng bà đưa cho bà T 1.150.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền 507.369.000 đồng (6.382kg cà phê) bà mua, số tiền còn lại 642.631.000 đồng (Tương

đương 8.134kg) nhưng bà T chưa giao cà, nên bà đã khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

**\* Bà Đỗ Thị Minh T3 trình bày:**

Bà là người phụ việc cho Công ty H6, nhiệm vụ chính là cân hàng mỗi khi khách đưa đến. Không nhận và trả tiền thay cho Công ty. Việc mua bán nông sản giữa bà T với Công ty H6 như thế nào thì bà không biết.

Ngày 20/02/2024, bà có chuyển nhằm cho bà T số tiền 600.000.000 đồng. Vì số tiền này là bà chuyển cho bà Nguyễn Thị Thu T4 ở Thanh Hóa để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tòa án yêu cầu bà cung cấp tên tuổi, địa chỉ (lý lịch) và chứng cứ giao dịch chuyển nhượng thì bà không cung cấp được, vì đó là người quen.

Việc bà T4 kiện Công ty H6 không liên quan gì đến bà, do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**\* Ông Nguyễn Triệu V, ông Nguyễn Đình H4 trình bày:** Đồng ý với ý kiến nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T.

**\* Ông Hồ Xuân L trình bày:** Ông chỉ là người làm công ăn lương cho Công ty H6, không liên quan đến việc mua bán, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**\* Bà Hồ Thị Mỹ H3 trình bày:** Bà không thay mặt Công ty H6 đến nhà bà T để bốc hàng, mà bà chỉ đến nhà bà T để bốc hàng cho bà H1.

***Tại Bản án sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Áp dụng khoản 3 Điều 26; các điều 147; 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 430, 433, 436 và Điều 440 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H6 phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 257.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí, tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2024, bị đơn Công ty H6, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Mỹ H1, bà Đỗ Thị Minh T3 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung như sau:

- Bị đơn Công ty TNHH H6 đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án đến cơ quan Cảnh sát điều tra để làm rõ về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Thùy T.

- Bà Tô Thị Mỹ H1 và bà Đỗ Thị Minh T3 đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Mỹ H1 và bà Đỗ Thị Minh T3 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

### ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH H6; kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Mỹ H1 và bà Đỗ Thị Minh T3. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét thấy vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 300/2024/DS - PT ngày 15/10/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” và vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 279/2024/DS - PT ngày 15/10/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là hai vụ án có cùng đương sự, cùng quan hệ tranh chấp và có mối quan hệ mật thiết với nhau, lẽ ra cấp sơ thẩm nên nhập 02 vụ án này để giải quyết trong cùng 01 vụ án nhằm giải quyết vụ án một cách toàn diện, triệt để. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã giải quyết thành 02 vụ án riêng biệt, do đó cấp phúc thẩm tiếp tiếp xét xử 02 vụ án là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Mỹ H1 và bà Đỗ Thị Minh T3, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, tất cả các đương sự đều thừa nhận giữa Công ty H6 và bà Nguyễn Thị Thùy T có mua bán nông sản với nhau (bà T là bên bán và Công ty H6 là bên mua). Theo đó, ngày 30/4/2021 các bên có tiến hành chốt nợ với nhau theo nội dung “Biên bản đối chiếu công nợ” đề ngày 30/4/2021 (bút lục 49), theo đó các bên xác định: Tính đến thời điểm ngày 30/4/2021, Công ty H6 còn nợ cô chú Sáu Hướng (tức vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu T4 và ông Nguyễn Đình H4) tổng số tiền hàng là 1.791.478.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm chín mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi tám ngàn đồng). Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận về thời gian thanh toán như sau: Ngày 03/5/2021 thanh toán một phần công nợ, ngày 30/12/2021 thanh toán một phần công nợ và ngày 30/4/2022 thanh toán dứt điểm công nợ. Bên cạnh đó, các bên cũng thừa nhận sau khi chốt công nợ, mặc dù phía Công ty H6 chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nhưng sau đó các bên vẫn tiếp tục thực hiện nhiều giao dịch khác với nhau.

Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T xác nhận Công ty H6 đã thanh toán cho bà nhiều lần với tổng số tiền 1.533.338.000 đồng, trong đó có: 1.200.000.000 đồng (tiền do bà H1 và bà T3 chuyển khoản vào tài khoản của bà T), 291.478.000 đồng bà T nhận tiền mặt nhiều

lần từ con và cháu của ông T2, bà H1 và 42.631.000 đồng là số tiền khấu trừ vào số tiền cân cả phê còn dư vào ngày 20/02/2024.

Xét ý kiến trình bày của bà Tô Thị Mỹ H1 cho rằng: Ngày 19/02/2024, bà H1 chuyển vào số tài khoản của bà T số tiền 600.000.000 đồng là để thực hiện giao dịch khác không liên quan đến giao dịch của Công ty H6 và bà T là không có cơ sở. Bởi lẽ, giữa bà Tô Thị Mỹ H1 và ông Trần Quang T2 (Giám đốc Công ty H6) có mối quan hệ là vợ chồng nên sẽ có trách nhiệm với nhau trong các quan hệ giao dịch dân sự cũng như về nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, phía bà H1 cũng thừa nhận nhiều lần thay mặt Công ty H6 thực hiện các giao dịch mua bán nông sản với bà T. Bên cạnh đó, phía bà H1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc chuyển khoản tiền 600.000.000 đồng nêu trên cho bà T là khoản tiền riêng của bà H1 và dùng để thực hiện giao dịch mua bán nông sản riêng giữa bà H1 và bà T là không liên quan đến Công ty H6.

Xét ý kiến trình bày của bà T3 cho rằng bà chuyển khoản cho bà T số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 20/2/2024 là chuyển nhầm người. Vì ngày này bà T3 có chuyển tiền cho bà T ở Thanh Hóa để thực hiện giao dịch mua bán đất, thì thấy rằng: Trong nội dung tin nhắn chuyển tiền của bà T3 không thể hiện việc bà T3 chuyển tiền để mua đất. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà T3 có cung cấp một bản phô tô “Giấy thỏa thuận” về việc nhờ 01 người tên “Nguyễn Thị Thu T4” mua hộ đất tại Thanh Hóa. Tuy nhiên, đây chỉ là bản phô tô, không có công chứng chứng thực theo quy định. Hơn nữa, bà T3 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc vào ngày 20/02/2024 bà T3 có thực hiện việc giao dịch mua bán đất ở Thanh Hóa cũng như địa chỉ của bà Nguyễn Thị Thu T4 ở Thanh Hoá như bà T3 trình bày. Trong khi đó, bà T3 là con dâu của ông T2 và bà H1, đồng thời là nhân viên của Công ty H6, thường xuyên thực hiện các giao dịch mua bán cả phê thay Công ty H6. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận: Từ trước đến nay bà T3 chỉ thực hiện giao dịch chuyển tiền cho bà T4 một lần duy nhất vào ngày 20/2/2024 (số tài khoản của bà Nguyễn Thị Thu T4 do phía công ty H6 cung cấp cho bà T3). Do đó, lời trình bày trên của bà T3 là không có căn cứ để chấp nhận.

Công ty H6 cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng mà Công ty H6 chuyển khoản cho ông H4 (chồng bà T4) là để thanh toán cho số tiền 1.791.478.000 đồng, nhưng Công ty H6 lại không có chứng cứ để chứng minh (cụ thể nội dung chuyển số tiền trên để thanh toán cho khoản tiền 1.791.478.000 đồng). Trong khi đó, bà T4 cung cấp nội dung tin nhắn và các cuộc hội thoại, hình ảnh và sổ sách mua bán thể hiện ngày

09/02/2023 và vào các ngày 19/02/2024 giữa bà T4 và Công ty H6 có giao dịch mua bán cà phê với nhau. Do đó, lời trình bày của bà T4 về số tiền 1.500.000.000 đồng mà Công ty H6 chuyển khoản cho ông H4 là để thực hiện giao dịch mua 49.382,4 kg cà phê nhân xô là có cơ sở và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Giữa bà T4 với Công ty H6 đã nhiều lần thực hiện giao dịch mua bán nông sản cà phê với nhau thông qua ông T2, bà H1 và những người làm công ăn lương cho Công ty H6. Tính đến ngày 30/4/2021, Công ty H6 còn nợ bà T4 tổng số tiền là 1.791.478.000 đồng và đến ngày 20/02/2024 Công ty H6 đã thanh toán cho bà T4 được số tiền 1.533.338.000 đồng, trong đó: 1.200.000.000 đồng (do bà H1 và bà T3 chuyển khoản cho bà T4) + 291.478.000 đồng (thanh toán bằng tiền mặt) + 41.860.000 đồng (khấu trừ từ tiền mua hàng còn dư của Công ty vào ngày 20/02/2024), còn nợ lại số tiền 257.100.000 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T là có căn cứ, do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty H6 phải trả cho bà T số tiền còn nợ gốc là 257.100.000 đồng là đúng quy định của pháp luật, nên cần giữ nguyên án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty H6 đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ sang cơ quan Cảnh sát điều tra để điều tra truy tố về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của bà Nguyễn Thị Thùy T, thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bà Đỗ Thị Minh T3 đã nộp đơn tố cáo hành vi của bà T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B, ngày 06/11/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Công văn 1415/2024/CV-TA đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lời cho Tòa án được biết kết quả giải quyết đơn tố giác của bà H1 và bà T3. Tại Thông báo về việc giải quyết đơn số 2176/ĐTTH ngày 02/12/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B thông báo đơn tố giác của bà T3 đối với bà T là tranh chấp dân sự trong việc mua bán tài sản nên đã hướng dẫn cho bà T3 khởi kiện vụ việc tại Tòa án. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH H6, đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Mỹ H1 và bà Đỗ Thị Minh T3, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn Công ty H6, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Mỹ H1 và bà Đỗ Thị Minh T3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH H6;
- Không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Mỹ H1 và bà Đỗ Thị Minh T3;
- Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H6 phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 257.100.000 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu một trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn H6 phải chịu 12.855.000 đồng (Mười hai triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thùy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được nhận lại số tiền 6.427.000 đồng (Sáu triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/ 0001903 ngày 13/3/2024.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Công ty TNHH H6 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002187 ngày 04/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Tô Thị Mỹ H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002188 ngày 04/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Đỗ Thị Minh T3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002186 ngày 04/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, Công ty TNHH H6, bà Tô Thị Mỹ H5 và bà Đỗ Thị Minh T3 đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS H. E;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Y Phi Kbuôr**